

Số: 01/QĐ-UBND

Phú Thượng, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Phú Thượng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THƯỢNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023 huyện Võ Nhai;

Căn cứ Nghị quyết số 109-NQ/ĐU ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Hội nghị lần thứ 38 Ban chấp hành Đảng bộ xã Phú Thượng khóa XXII về mục tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND xã Phú Thượng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2023; Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của xã Phú Thượng

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND xã Phú Thượng về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch thu, chi các loại quỹ tài chính xã Phú Thượng năm 2024;

Xét yêu cầu nhiệm vụ tình hình thực tế của địa phương.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 xã Phú Thượng cho các cơ quan, đơn vị, các xóm trên địa bàn xã Phú Thượng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Các ban, ngành, các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết từng lĩnh vực và có trách nhiệm chủ động triển khai, phối hợp với các xóm, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thực hiện hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Điều 3. Công chức Văn phòng thống kê, công chức Tài chính kế toán xã, các ban ngành, các xóm, các đơn vị, trường học và cá nhân phụ trách có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các công chức xã;
- Các ban ngành, các xóm, các trường học trên địa bàn xã (T/h);
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Như Hoa

CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CHỦ YẾU NĂM 2024 XÃ PHÚ THƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND, ngày 02/01/2024 của UBND xã Phú Thượng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Trong đó														Hội đồng tư vấn thuế
				Mô Gà	Phượng Hoàng	Đồng Mới	Na Phài	Làng Phật	Cao Lầm	Nà Kháo	Suối Cạn	Ba Nhất	Cao Biền	Văn phòng, Tư pháp	Công an xã	Quân sự xã	Địa chính xã	
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ																	
I	Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản																	
1	Giá trị sản phẩm/ 1ha đất trồng trọt (theo giá thực tế)	Tr.đ/ha	109															
2	Diện tích, sản lượng một số cây trồng vật nuôi chủ yếu																	
2.1	Trồng trọt																	
-	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	4.000	422,6	306,1	353	299,4	300	450,1	336,1	250,6	1.157	125,8					
	+ Thóc	Tấn	2.000	240,2	197,4	213,4	218,8	192,1	320,6	229,4	176,1	160,1	53,4					
	+ Ngô	Tấn	2.000	182,4	108,7	139,6	80,6	107,9	129,5	106,7	74,5	996,9	72,4					
-	Sản lượng rau đậu các loại (cả năm)	Tấn	3.000	492	492	428	228	199	428	278	179	179	100					
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	1.000	40	30				35	30	25	840						
2.2	Diện tích trồng rừng tập trung	Ha	30															
	Diện tích trồng cây dược liệu (quế) theo dự án ngân sách huyện	ha	10															
	Trồng cây phân tán	cây	15.000															
2.3	Chăn nuôi																	
-	Tổng đàn trâu, bò	con	305	6	7	22	10	10				143	107					
-	Tổng đàn lợn	con	650	200	50	150	30	30	30	30	30	50	50					
-	Tổng đàn gia cầm	Nghìn con	19.200	3.455	1.390	3.200	755	1.560	1.500	1.965	1.810	2.155	1.410					
2.4	Thủy sản																	
-	Diện tích	Ha	18	3,1	3,1	2,7	1,8	1,4	1,4	1,8	1,4	0,9	0,4					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Trong đó														
				Mỏ Gà	Phượng Hoàng	Đồng Mới	Na Phài	Làng Phật	Cao Lâm	Nà Kháo	Suối Cạn	Ba Nhất	Cao Biền	Văn phòng, Tư pháp	Công an xã	Quân sự xã	Địa chính xã	Hội đồng tư vấn thuế
-	Sản lượng thủy sản	Tấn	45	7,75	7,75	6,75	4,5	3,5	3,5	4,5	3,5	2,25	1					
II	Thu cân đối ngân sách nhà nước	Tr.đ	1.020															
1	Thu khác NS	Tr.đ	15												15			
	- Thu phạt ANTT	Tr.đ	0															
	- Thu khác	Tr.đ	15												15			
2	Thuế SD đất phi NN	Tr.đ	10														10	
3	Thu ngoài quốc doanh	Tr.đ	85															85
	- Thuế giá trị gia tăng	Tr.đ	85															85
4	Lệ phí trước bạ	Tr.đ	50														50	
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	Tr.đ	600														600	
6	Thu phí và lệ phí	Tr.đ	40											25				15
	- Phí chứng thư	Tr.đ	24											24				
	- Phí hộ tịch	Tr.đ	1											1				
	- Phí Môn bài	Tr.đ	15															15
7	Thuế thu nhập cá nhân	Tr.đ	220															220
B	CHỈ TIÊU XÃ HỘI																	
1	Mức giảm tỷ suất sinh thô	%o	0,1															
2	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng tính theo cân nặng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12,4															
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (tăng so với năm 2023)	%	1,4															
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,39			1		1					3					
5	Gia đình văn hóa	%	90,2															
6	Làng văn hóa	%	90															
7	Tham gia BHXH																	
-	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	173	25	25	25	10	10	20	25	10	20	3					

